

Số: 49 /BC-SNN

Trà Vinh, ngày 28 tháng 01 năm 2015

## BÁO CÁO

### Tình hình hoạt động tháng 01 và kế hoạch công tác tháng 02 năm 2015

#### I. TÌNH HÌNH CHUNG

Các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi và động vật thủy sản tiếp tục được kiểm soát; nông dân tập trung thu hoạch dứt điểm lúa Thu đông và xuống giống lúa Đông xuân đồng loạt theo từng cánh đồng; giá lúa, tôm sú, tôm chân trắng, heo hơi ổn định ở mức khá. Tuy nhiên, sản lượng thủy sản ở vùng nước ngọt giảm so cùng kỳ; thời tiết lạnh làm ảnh hưởng đến sự phát triển của tôm nuôi và cũng là điều kiện thuận lợi để phát sinh các dịch bệnh trong chăn nuôi. Với sự tập trung chỉ đạo của ngành và sự vượt khó của nông dân nên nhìn chung sản xuất có bước phát triển, các mặt công tác cơ bản đạt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

#### II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT

##### 1. Nông nghiệp:

###### a) Trồng trọt:

- Cây lúa:

+ Vụ Thu Đông-mùa: Thu hoạch 26.035 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch đến nay 86.157 ha, đạt 96,58% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,36 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,04 tấn/ha).

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống 43.624 ha, nâng tổng diện tích xuống giống đến nay 67.985 ha, vượt 5,4% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 5.051 ha). Tổng diện tích nhiễm sâu bệnh 2.635 ha, gồm: Chuột 1.211 ha, tỉ lệ gây hại 1-7%, cục bộ một số nơi gần bờ bao, bụi rậm, khu dân cư tỉ lệ gây hại đến 10%, trên trà lúa đẻ nhánh đến làm đòng ở huyện Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang; rầy nâu 789 ha, mật số 50-500 con/m<sup>2</sup>, cục bộ có 96 ha mật số 2.000-3.000 con/m<sup>2</sup> ở xã An Trường, Tân Bình, Nhị Long, Bình Phú huyện Càng Long; đạo ôn lá 532 ha; diện tích còn lại do một số đối tượng gây hại ở mức độ nhẹ như bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, ốc bươu vàng.

- Cây màu: Gieo trồng 7.207 ha, nâng tổng diện tích đến nay 12.474 ha, đạt 19,55% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 39 ha (màu lương thực 1.591 ha, màu thực phẩm 6.891 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 3.992 ha).

###### b) Chăn nuôi:

- Tình hình chăn nuôi: Tập trung tăng đàn vật nuôi để phục vụ trong dịp tết Nguyên Đán.

- Tình hình dịch bệnh: Nhờ chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh nên trong tháng qua dịch cúm gia cầm, LMLM và tai xanh trên heo tiếp tục được kiểm soát; các loại dịch bệnh khác xảy ra quy mô nhỏ lẻ, thiệt hại không đáng kể.

**2. Lâm nghiệp:** Thành lập các ban quản lý dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh; tổ chức nghiệm thu cơ sở công tác chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng năm 2014; kiểm tra vườn ươm cây giống phục vụ công tác trồng rừng năm 2015; xây dựng phương án trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch phòng trừ sâu bệnh gây hại trên cây phi lao; tổ chức lấy ý kiến các địa phương về tái cơ cấu ngành lâm nghiệp; chuẩn bị hội nghị tổng kết công tác phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR) năm 2014, triển khai kế hoạch PCCCR năm 2015.

### **3. Thủy sản:**

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 5.891 ha, thu hoạch 9.874 tấn (1.102 tấn cá lóc, 179 tấn tôm sú, 152 tấn tôm thẻ chân trắng, 240 tấn cua biển...), đạt 5,1% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 702 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 194 triệu con tôm sú giống, diện tích 3.330 ha; 240 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 429 ha; 6,9 triệu con cua biển, diện tích 2.132 ha. Thu hoạch 599 tấn thủy sản các loại (cao hơn cùng kỳ 276 tấn). Tuy nhiên, có 1,59 triệu con tôm sú giống (chiếm 0,82%) và 26,3 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 10,9%) bị thiệt hại. Nguyên nhân, do chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm, môi trường nước đầu vụ chưa ổn định, làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, tôm chết trong giai đoạn từ 30 – 45 ngày tuổi.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 6,6 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 67 ha (cá lóc 4 triệu con, diện tích 7,8 ha; cá tra 220 ngàn con, diện tích 0,4 ha; còn lại là các loại cá khác). Thu hoạch 2.369 tấn, đạt 3,9% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 2.296 tấn, riêng cá lóc thấp hơn cùng kỳ 1.854 tấn.

- Khai thác thủy sản: Sản lượng khai thác 6.906 tấn (1.438 tấn tôm), đạt 8,36% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.318 tấn, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: 1.718 tấn (429 tấn tôm), đạt 8,12% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 215 tấn.

+ Khai thác hải sản: 5.728 tấn (1.008 tấn tôm), đạt 8,36% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.103 tấn.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 68 tấn thủy sản (12 tấn tôm sú), chế biến 48 tấn, tiêu thụ 80 tấn, kim ngạch xuất khẩu 962 ngàn USD.

## **III. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN NGÀNH:**

### **1. Công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi:**

- Phân công cán bộ kỹ thuật phụ trách địa bàn kiểm tra, khoanh vùng và hướng dẫn nông dân phòng trị các đối tượng như rầy nâu, chuột, bọ trĩ...; chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tăng cường công tác dự tính, dự báo, theo dõi bẫy đèn; kiểm tra tình hình sâu bệnh đặc biệt là chuột gây hại để khoanh vùng và hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời.

- Thực hiện tiêm phòng vaccin cúm cho 276.503 con gia cầm các loại (344.976 liều); vaccine thường xuyên cho 23.828 con gia súc (dịch tả 8.570 con; tụ huyết trùng 7.766 con; phó thương hàn 7.492 con) và 86.780 liều các loại vaccin khác. Kiểm tra, cấp 11 giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thủy sản cho cơ sở ương dưỡng, sản xuất tôm sú giống; 90 giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản; 30 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; cấp 27 giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thức ăn, thuốc thú y thủy sản.

- Kiểm dịch 21,53 triệu con tôm sú giống, 84,92 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 25 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản; thu 30 bệnh phẩm phân tích các bệnh đốm trắng, đầu vàng, Taura trên tôm chân trắng tại các xã Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông huyện Cầu Ngang, xã Hiệp Thạnh huyện Duyên Hải để thông báo nông dân quản lý ao nuôi. Giám sát, cấp phép cho công ty tổ chức 21 cuộc giới thiệu sản phẩm với 1.500 lượt người dự.

## **2. Công tác chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật:**

- Kết hợp Dự án MFF thực hiện mô hình nuôi tôm, cua, cá kết hợp rừng với quy mô 20 ha và Công ty Cổ phần phân bón Bình Điền thực hiện mô hình bón phân Đầu Trâu cho lúa Đông Xuân với diện tích 2,5 ha tại ấp Trà Nóc, xã Song Lộc huyện Châu Thành.

- Thực hiện mô hình trình diễn nuôi tôm sú kết hợp cá rô phi với diện tích 0,9 ha tại 03 hộ nuôi ở huyện Cầu Ngang và Duyên Hải, số lượng 900 con cá rô phi và 225 ngàn con tôm sú, đang phát triển bình thường từ 34 – 37 ngày tuổi.

## **3. Công tác thủy lợi và PCLB:**

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án Quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao ven sông Cổ Chiên và sông Hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2013-2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu-nước biển dâng; tiếp tục đôn đốc đơn vị tư vấn lập dự án Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030, đạt 65% khối lượng công việc.

- Nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng 05 công trình nạo vét kênh thủy lợi phục vụ sản xuất; chuẩn bị trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2015.

- Tổ chức 14 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, phát hiện 08 trường hợp vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định; đôn đốc các địa phương đẩy nhanh tiến độ xây dựng phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão; chỉ đạo, kiểm tra và gia cố các tuyến đê bị sạt lở do triều cường tại huyện Duyên Hải, Châu Thành.

## **4. Công tác xây dựng cơ bản:**

Tiếp tục triển khai thực hiện 14 dự án chuyên tiếp (06 công trình phục vụ nuôi trồng thủy sản, 02 công trình phục vụ sản xuất lúa, 04 công trình đê, kè; 02 công trình dân dụng), tổng khối lượng thực hiện đến tháng 01/2015 đạt 356,2 tỷ đồng, giải ngân 254,16 tỷ đồng, đạt 93,72% kế hoạch vốn phân bổ (niên độ kế toán năm 2014).

## **5. Sản xuất và cung ứng giống:**

- Giống nông nghiệp:

+ Giống cây trồng: Khảo nghiệm và chọn dòng phân ly 03 bộ giống (A<sub>0</sub>, A<sub>1</sub>, Trà Vinh), diện tích 0,6 ha. Nhân giống lúa với diện tích 22 ha trên địa bàn huyện Càng Long, gồm các giống: OM 5451, OM 4900, OM 6976, IR 50404; nhân giống bưởi da xanh 7,4 ha tại các huyện Trà Cú, Tiểu Cần, Càng Long và thành phố Trà Vinh, đã thanh lý hợp đồng 6,4 ha. Kết hợp tổ chức sản xuất 17,5 ha lúa giống (cấp nguyên chủng 12,1 ha), hiện lúa trong giai đoạn đẻ nhánh đến làm đồng, phát triển tốt. Cung ứng 9,5 tấn lúa giống (0,5 tấn nguyên chủng) và 415 cây giống các loại.

+ Giống vật nuôi: Tập trung chăm sóc 44 con bò giống và bê con, (30 con bò cái sinh sản, 02 con bò đực giống, 12 con bê); cải tạo đất, bón phân, chăm sóc 01 ha diện tích cỏ làm thức ăn tươi cho đàn bò.

+ Giống thủy sản: Tiếp nhận công nghệ sản xuất giống lươn đồng; nuôi vỗ đàn cá tra và cá lóc bố mẹ, chuẩn bị sản xuất con giống tôm càng xanh toàn đực; chăm sóc 04 con tôm sú bố mẹ, xuất bán 850 ngàn con post tôm sú.

## **5. Công tác phát triển nông thôn:**

### *a) Công tác nông thôn mới:*

- Công tác tuyên truyền: Tổ chức tuyên truyền lồng ghép được 12 cuộc cho 360 lượt người dự với các nội dung tuyên truyền, vận động thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, vệ sinh cảnh quang môi trường, làm cột cờ, đèn chiếu sáng; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh quay phóng sự về nông thôn mới tại 02 xã Dân Thành và Long Hữu, huyện Duyên Hải về mô hình vốn hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới cấp huyện năm 2015 định hướng đến năm 2020; hoàn chỉnh đề án xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh chuẩn bị trình phê duyệt. Tham mưu Ban chỉ đạo tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2014, triển khai kế hoạch năm 2015 trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả rà soát theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 85 xã: Có 13 xã đạt 19 tiêu chí; 04 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí; 30 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 38 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí.

*b) Quy hoạch bố trí dân cư:* Tiếp tục thi công các hạng mục công trình di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; bồi hoàn, giải phóng mặt bằng dự án di dân sạt lở xã Đại Phước hạng mục Đường dẫn vào khu dân cư; phê duyệt kết quả chỉ định thầu tư vấn và kê biên áp giá bồi hoàn, giải phóng mặt bằng Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông, thị trấn Tiểu Cần; trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn và thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

*c) Phát triển kinh tế hợp tác (KTHT), hợp tác xã (HTX):* Hoàn thành Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức KTHT trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; kế hoạch đổi mới, tổ chức phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây

dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020; phối hợp Hội làm vườn xây dựng kế hoạch hỗ trợ củng cố và tổ chức lại hoạt động của các HTX (xoài Châu Nghệ, thanh long ruột đỏ, dứa sáp Hòa Tân, măng cụt Tân Thành) theo luật HTX.

*d) Ngành nghề nông thôn:* Lập báo cáo kết quả thực hiện các chương trình dự án giảm nghèo bền vững năm 2014 và kế hoạch năm 2015 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2015 từ nguồn kinh phí Chương trình MTQG việc làm – dạy nghề.

*e) Chương trình nước SH và VSMTNT:* Tiếp tục thực hiện 03 dự án chuyên tiếp; tập trung giải ngân vốn sự nghiệp năm 2014. Lắp đặt cho 794 hộ sử dụng nước máy do ngành đầu tư và cung cấp, nâng tổng số hộ sử dụng nước máy đến tháng 01/2015 là 70.155 hộ.

## **6. Quản lý Nhà nước chuyên ngành:**

*a) Quản lý chất lượng nông-lâm -thủy sản:* Kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm 09 cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản và 09 tàu cá, kết quả xếp loại: 05 loại B, 10 loại C, 03 cơ sở, tàu cá ngưng hoạt động; cấp 04 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh thủy sản, tàu cá; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 12 mẫu (06 mẫu nước biển, 06 mẫu nghêu).

*b) Quản lý tàu cá, cảng cá:*

- Kiểm tra an toàn kỹ thuật 19 tàu cá (03 tàu cá ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 01 tàu, đăng ký 03 tàu, xóa bộ 01 tàu, cấp 03 sổ danh bạ (14 thuyền viên), cấp 11 giấy phép khai thác thủy sản, 01 giấy xác nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Đến nay trên địa bàn tỉnh có 1.206 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 84.985 CV (198 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

- Tổ chức thu phí 390 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 501 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 4,3 triệu đồng.

*c) Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:*

- Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 30 cuộc tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho 882 lượt người.

- Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra 15 cơ sở sản xuất, kinh doanh và vận chuyển giống thủy sản, sản xuất, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y; thu 06 mẫu thức ăn bổ sung dùng trong nuôi thủy sản, thuốc thú y phân tích kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 01 trường hợp vận chuyển giống thủy sản ra khỏi cơ sở sản xuất giống thủy sản mà không có giấy chứng nhận kiểm dịch.

## **8. Các công tác khác:**

- Trình phê duyệt kế hoạch đầu thầu và lập hồ sơ yêu cầu 02 Quy hoạch: Rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; Quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và định hướng rải vụ một số cây ăn quả trên địa bàn tỉnh.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin thành lập quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch phát triển cánh đồng lớn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2020.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2014 và giao chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2015.

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở tổ chức tổng kết đánh giá năm 2014, triển khai kế hoạch năm 2015.

- Giao dự toán ngân sách năm 2015 cho các đơn vị trực thuộc Sở; tập trung thực hiện dứt điểm những nhiệm vụ còn lại của năm 2014 trong thời gian chính lý quyết toán.

- Tham mưu phân công các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án năm 2015.

- Tổng hợp trả lời kiến nghị cử tri phục vụ kỳ họp lần thứ 17 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII.

#### **IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

##### **1. Kết quả đạt được:**

- Có sự tập trung chỉ đạo trong triển khai lịch thời vụ xuống giống lúa và thả nuôi tôm sú; chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh, nên tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm không phát sinh.

- Nông dân các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, Châu Thành, Trà Cú tập trung trồng màu mùa khô và thả nuôi thủy sản với diện tích lớn.

- Chủ động trong công tác dự tính, dự báo và phòng chống nên các loại dịch bệnh nguy hiểm tiếp tục được khống chế.

##### **2. Những tồn tại, hạn chế:**

- Công tác sản xuất, cung ứng giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh còn nhỏ lẻ, manh mún, công tác quản lý giống cây, con chưa thật sự chặt chẽ.

- Công tác tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh đặc biệt là trong chăn nuôi gia súc, gia cầm ở một vài địa phương chưa chỉ đạo quyết liệt, đặc biệt là trong điều kiện thời tiết lạnh, nguy cơ bùng phát dịch bệnh là rất lớn.

- Công tác quản lý quy hoạch và lịch thời vụ chưa thật sự chặt chẽ, còn nhiều địa phương sản xuất mang tính tự phát, không theo lịch thời vụ và ngoài vùng quy hoạch.

#### **V. KẾ HOẠCH THÁNG 02 NĂM 2015**

##### **1. Công tác chỉ đạo sản xuất và phòng chống dịch bệnh:**

###### *a) Trồng trọt:*

- Cây lúa: Tập trung chỉ đạo chăm sóc diện tích lúa hiện diện trên đồng; khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện sâu bệnh phòng trị kịp thời đặc biệt là trước, trong và sau Tết Nguyên đán năm 2015; tăng cường công tác dự tính, dự báo tình hình sâu, bệnh nhất là rầy nâu, chuột gây hại.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày: Tiếp tục triển khai kế hoạch trồng màu vụ Đông Xuân năm 2015, nhất là cây màu dưới chân ruộng như bắp, dưa

hầu, bí đỏ, rau thực phẩm các loại..., tuyên truyền, vận động nông dân mở rộng diện tích cây màu ở những nơi có điều kiện.

b) *Chăn nuôi gia súc, gia cầm*: Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh trước, trong và sau Tết; tập trung lực lượng tiêm phòng cho đàn vật nuôi nhất là các đàn nuôi mới, vịt chạy đồng; tăng cường kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh bằng đường thủy và đường bộ, đặc biệt là các loại sản phẩm nhập tỉnh phục vụ Tết Nguyên đán; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động giết mổ và giết mổ tập trung; tiếp tục thực hiện quản lý đàn thông qua hình thức cấp sổ chăn nuôi.

c) *Thủy sản*: Tiếp tục hướng dẫn nông dân cải tạo ao đầm phục vụ cho vụ nuôi năm 2015, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn quản lý chặt chẽ lịch thời vụ; tập trung chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2014 chuyển sang. Tuyên truyền nông dân thả nuôi con giống có nguồn gốc, chất lượng; theo dõi tiến độ thả nuôi thủy sản nhất là tôm sú và tôm thẻ chân trắng; hướng dẫn nông dân quản lý, chăm sóc tốt diện tích nuôi tôm sú, tôm chân trắng trong điều kiện thời tiết lạnh.

## **2. Công tác chuyên môn:**

- Hoàn chỉnh kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ cơ giới hóa trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu Quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra tỉnh Trà Vinh.

- Hoàn chỉnh trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản đến năm 2020.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và động vật thủy sản năm 2015. Tiếp tục phân công cán bộ chuyên môn trực tiếp tư vấn và chuyển giao kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản đầu vụ cho nông dân; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, kỹ thuật sản xuất lúa theo SRI, đặc biệt là sản xuất lúa chất lượng cao, cánh đồng lớn, kỹ thuật trồng cây màu các loại và phòng chống dịch bệnh; chuẩn bị các thủ tục tổ chức triển khai thực hiện các mô hình trình diễn mới năm 2015.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các phần việc trong Kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Thường xuyên kiểm tra độ mặn tại các công đầu mới, theo dõi cao trình nước, chủ động tích nước ngọt khi có điều kiện, chỉ đạo vận hành công phục vụ an toàn cho sản xuất; thường xuyên kiểm tra, khắc phục và gia cố các tuyến đê, kịp thời gia cố khi bị sạt lở; công trình không để xảy ra sự cố đặc biệt là đợt triều cường cuối tháng 12 (a1); chuẩn bị các thủ tục triển khai các công trình, dự án đầu tư mới năm 2015.

- Triển khai kế hoạch trồng, chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng và trồng cây phân tán năm 2015; hoàn chỉnh tái cơ cấu ngành lâm nghiệp và trình



UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức hội nghị tổng kết PCCCR năm 2014, triển khai kế hoạch PCCCR năm 2015; tăng cường tuần tra quản lý bảo vệ rừng.

- Chỉ đạo kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; quản lý chất lượng con giống sản xuất tại chỗ và nhập tỉnh, đặc biệt là tôm sú và tôm thẻ chân trắng. Tiếp tục kiểm tra chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất; kiểm tra việc chấp hành Luật Thủy sản trong sản xuất, khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trong những ngày giáp Tết.

- Tiếp tục khảo nghiệm, sản xuất và cung ứng giống lúa, cây ăn trái, giống thủy sản; tập trung chuyên giao công nghệ sản xuất giống thủy sản các loại cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục chỉ đạo vận hành tốt các trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh, thực hiện lắp đặt thêm khoảng 500 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh do ngành nông nghiệp cung cấp.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển, thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động tháng 01 và kế hoạch công tác tháng 02/2015, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm góp ý chỉ đạo./. *tr*

**Nơi nhận:**

- Bộ NN&PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**K. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Phạm Minh Truyền*



## BÁO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tính đến ngày 15/01/2015



Mã số	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2015	TH tháng 01	Ước TH kỳ này	% so sánh với		
						Cùng kỳ	Kế hoạch	
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2	
<b>A</b>	<b>NÔNG NGHIỆP</b>							
<b>I.</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>							
	<b>Tổng DT gieo trồng</b>	Ha	164.649	215.587	50.830	169.667	103,05%	78,70%
<b>1.1.</b>	<b>Cây lương thực có hạt</b>	Ha	153.525	159.050	44.319	158.440	103,20%	99,62%
	<b>Cây lúa</b>	Ha	152.136	151.900	43.624	157.195	103,32%	103,49%
	<b>Vụ Thu Đông-mùa</b>							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	89.202	87.400		89.209,4	100,01%	102,07%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	85.048	87.400	26.035	86.157	101,30%	98,58%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	52,85	54,15	53,40	53,68	101,57%	99,13%
	- Sản lượng	tấn	449.472	473.271	139.017	462.492	102,90%	97,72%
	<b>Vụ Đông - Xuân</b>							
	- DT gieo sạ	ha	62.934	64.500	43.624,4	67.985,4	108,03%	105,40%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha		63,99				
	- Sản lượng	tấn		412.750				
	<b>Cây màu</b>	Ha	<b>12.513</b>	<b>63.687</b>	<b>7.205,1</b>	<b>12.471,7</b>	99,67%	19,58%
	<b>Cây bắp</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1.389	7.150	694,8	1.244,7	89,61%	17,41%
	- Diện tích thu hoạch	"		7.150				
	- Năng suất	Tạ/ha		54,50				
	- Sản lượng	Tấn		38.958				
<b>1.2.</b>	<b>Cây có củ</b>	Ha	<b>350</b>	<b>3.387</b>	<b>197,4</b>	<b>345,7</b>	98,78%	10,21%
	<b>Khoai lang</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	163	1.516	81,8	152,9	93,79%	10,08%
	+ Diện tích thu hoạch	"		1.516				
	+ Năng suất	Tạ/ha		165,49				
	+ Sản lượng	Tấn		25.089				
	<b>Sắn</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	112	1.071	69,2	114,3	102,04%	10,67%
	+ Diện tích thu hoạch	"		1.071				
	+ Năng suất	Tạ/ha		143,19				
	+ Sản lượng	Tấn		15.336				
	<b>Cây có củ khác</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	75	800	46,4	78,6	104,75%	9,82%
	+ Diện tích thu hoạch	"		800				
<b>1.3.</b>	<b>Cây thực phẩm</b>	Ha	<b>6.386</b>	<b>36.230</b>	<b>3.769,0</b>	<b>6.890,8</b>	107,91%	19,02%
	<b>Rau các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	6.241	35.430	3.710,2	6.742,2	108,03%	19,03%
	+ Diện tích thu hoạch	"		35.430				
	+ Năng suất	Tạ/ha		223,00				
	+ Sản lượng	Tấn		790.089				
	<b>Đậu các loại</b>							

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2015	TH tháng 01	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ DT gieo trồng	Ha	145	800	58,7	148,6	102,50%	18,58%
	+ Diện tích thu hoạch	"		800				
	+ Năng suất	Tạ/ha		16,50				
	+ Sản lượng	Tấn		1.320				
<b>1.4</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>		<b>4.494</b>	<b>16.920</b>	<b>2.544,0</b>	<b>3.990,5</b>	<b>88,80%</b>	<b>23,58%</b>
	<b>Đậu phộng</b>	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.412	5.640	694,9	1.226,8	86,89%	21,75%
	+ Diện tích thu hoạch	"		5.640				
	+ Năng suất	Tạ/ha		53,75				
	+ Sản lượng	Tấn		30.315				
	<b>Mía</b>							
	+ Diện tích trồng	Ha	2.062	6.300	1.254,6	1.796,1	87,11%	28,51%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"		6.300				
	+ Năng suất	Tạ/ha		1.120				
	+ Sản lượng	Tấn		705.600				
	<b>Cây lác (cói)</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	740	2.800	420,1	653,0	88,24%	23,32%
	+ Diện tích thu hoạch	"		2.800				
	+ Năng suất	Tạ/ha		98,00				
	+ Sản lượng	Tấn		27.440				
	<b>Cây trồng khác</b>	"	<b>279,9</b>	<b>2.300</b>	<b>175,8</b>	<b>316,5</b>	<b>113,09%</b>	<b>13,76%</b>
	+ Cây hàng năm khác	Ha	277,6	2.180	174,3	314,5	113,31%	14,43%
	+ Dây thuốc cá	"	2,3	120	1,5	2,0	86,96%	1,67%
<b>2</b>	<b>Cây lâu năm</b>							
<b>3</b>	<b>Cây ăn quả</b>							
<b>II</b>	<b>CHĂN NUÔI</b>							
<b>B</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
<b>1.</b>	<b>Lâm sinh</b>							
<b>1.1.</b>	<b>DT rừng trồng tập trung</b>	Ha						
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"						
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
<b>1.2.</b>	<b>DT rừng trồng được chăm sóc</b>	Ha						
<b>1.3.</b>	<b>DT khoanh nuôi tái sinh</b>	Ha						
<b>1.4.</b>	<b>DT giao khoán bảo vệ</b>	Ha						
<b>1.5.</b>	<b>Số cây lâm nghiệp phân tán</b>	1000 cây						
<b>2.</b>	<b>Khai thác</b>							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m <sup>3</sup>						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
<b>C</b>	<b>DIÊM NGHIỆP</b>							
<b>D</b>	<b>THỦY SẢN</b>							
<b>1.</b>	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	Ha	<b>5.004,47</b>	<b>47.750</b>	<b>68,62</b>	<b>5.957,92</b>	<b>119,05%</b>	<b>12,48%</b>
<b>1.1.</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	"	<b>116,59</b>	<b>5.000</b>	<b>66,62</b>	<b>66,62</b>	<b>57,14%</b>	<b>1,33%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"	116,09	3.500	66,62	66,62	57,39%	1,90%



Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2015	TH tháng 01	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa		0,07	40	0,40	0,40	571,43%	1,00%
	+ Cá lóc		28,80	290	7,82	7,82	27,15%	2,70%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	0,50	1.500	-	-	0,00%	0,00%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	0,50	1.500	-	-	0,00%	0,00%
	- Diện tích nuôi khác	"						
<b>1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Ha	<b>4.888</b>	<b>42.750</b>	<b>5.891,3</b>	<b>5.891,3</b>	120,53%	13,78%
	- Diện tích nuôi cá							
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	4.887,9	41.550,0	5.891,3	5.891,3	120,53%	14,18%
	Trong đó: + Tôm sú	"	2.674	19.900	3.330,4	3.330,4	124,54%	16,74%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	413	6.000	429,0	429,0	103,94%	7,15%
	+ Cua biển	"	1.801	15.650	2.131,9	2.131,9	118,37%	13,62%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"		1.200				
<b>2.</b>	<b>Thể tích nuôi lồng, bè</b>	m <sup>3</sup>						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
<b>3.</b>	<b>Sản lượng con giống sản xuất</b>	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
<b>4</b>	<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	Tấn	<b>10.576,4</b>	<b>193.600</b>	<b>9.874,4</b>	<b>9.874,4</b>	93,36%	5,10%
<b>4.1</b>	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	Tấn	<b>4.988,7</b>	<b>110.600</b>	<b>2.968,8</b>	<b>2.968,8</b>	59,51%	2,68%
<b>4.1.1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	Tấn	<b>4.665,4</b>	<b>60.600</b>	<b>2.369,5</b>	<b>2.369,5</b>	50,79%	3,91%
	- Sản lượng cá	"	4.454,25	60.000	2.273,30	2.273,30	51,04%	3,79%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"		9.500	43	43		0,45%
	+ Cá lóc	"	2.956	26.000	1.102	1.102	37,28%	4,24%
	- Sản lượng giáp xác	"	211	600	96,2	96,2	45,57%	16,04%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	211	600	96,2	96,2	45,57%	16,04%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
<b>4.1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Tấn	<b>323,3</b>	<b>50.000</b>	<b>599,2</b>	<b>599,2</b>	185,35%	1,20%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng tôm nuôi	"	323,3	48.000	571,3	571,3	176,70%	1,19%
	Trong đó: + Tôm sú	"	9,2	13.500	178,7	178,7	1941,96%	1,32%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	52,5	26.000	152,1	152,1	289,75%	0,59%
	+ Nuôi cua biển	"	261,6	8.500	240,5	240,5	91,93%	2,83%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"		2.000	28,0	27,95		1,40%
<b>4.2</b>	<b>Tổng sản lượng khai thác</b>	Tấn	<b>5.587,7</b>	<b>83.000</b>	<b>6.905,61</b>	<b>6.905,61</b>	123,59%	8,32%
<b>4.2.1.</b>	<b>Khai thác biển</b>	Tấn	<b>4.624,4</b>	<b>68.500</b>	<b>5.727,57</b>	<b>5.727,57</b>	123,86%	8,36%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	2.347,7	27.000	2.500,9	2.500,9	106,53%	9,26%
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ...	"						

Mã số	Chi tiết	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2015	TH tháng 01	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	796,9	8.500	1.008,8	1.008,8	126,60%	11,87%
	Trong đó: - Tôm	"						
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	1.479,9	33.000	2.217,9	2.217,9	149,87%	6,72%
<b>4.2.2</b>	<b>Khai thác nội địa</b>	<b>Tấn</b>	<b>963,3</b>	<b>14.500</b>	<b>1.178</b>	<b>1.178,0</b>	<b>122,29%</b>	<b>8,12%</b>
	Trong đó: - Cá các loại	"	398,6	6.800	468	467,6	117,32%	6,88%
	- Tôm các loại	"	354,8	4.700	429	428,7	120,85%	9,12%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	210,0	3.000	282	281,8	134,17%	9,39%